



Báo cáo

Đánh giá rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng

MỤC LỤC

A.	Giới thiệu chung	4
1.	Vị trí địa lý	4
2.	Đặc điểm địa hình.....	4
3.	Đặc điểm thời tiết khí hậu	Error! Bookmark not defined.
4.	Xu hướng thiên tai, khí hậu	Error! Bookmark not defined.
5.	Phân bố dân cư, dân số	5
6.	Hiện trạng sử dụng đất đai.....	5
7.	Đặc điểm và cơ cấu kinh tế.....	6
B.	Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	
	Error! Bookmark not defined.	
1.	Lịch sử thiên tai	6
2.	Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH	8
3.	Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	9
4.	Đối tượng dễ bị tổn thương.....	9
5.	Hạ tầng công cộng.....	10
a)	Điện	10
b)	Đường và cầu cống	10
c)	Trường	12
d)	Cơ sở Y tế	12
e)	Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa	13
f)	Chợ	13
6.	Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)	13
7.	Nhà ở	14
8.	Nước sạch, vệ sinh và môi trường 14	
9.	Hiện trạng diềuch bệnh phổ biến.....	14
10.	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	15
11.	Hoạt động sản xuất kinh doanh	16
12.	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	17
13.	Phòng chống thiên tai/TÝBĐKH.....	17
14.	Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	18
15.	Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TÝBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ).....	18
C.	Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	20
1.	Rủi ro với dân cư và cộng đồng.....	20
2.	Hạ tầng công cộng.....	22
3.	Công trình thủy lợi	24
4.	Nhà ở	24
5.	Nước sạch, vệ sinh và môi trường	27
6.	Y tế và quản lý dịch bệnh	28
7.	Giáo dục	29

8. Rừng	30
9. Trồng trọt.....	31
10. Chăn nuôi	31
11. Thủy Sản.....	32
12. Du lịch	33
13. Buôn bán và dịch vụ khác.....	34
14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	35
15. Phòng chống thiên tai/TUBĐKH	36
16. Giới trong PCTT và BĐKH.....	38
17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	40
D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp	40
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH	41
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	42
3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã	46
4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã	46
E. Phụ lục	46
1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá.....	46
2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn.....	47
3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá	54
Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai	Error! Bookmark not defined.

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần cùng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý

Phú Thuận Là một xã ven biển và đầm phá Tam Giang của huyện Phú Vang, cách huyện lỵ Phú Vang 35km.

Đông giáp biển Đông,
Tây giáp phá Tam giang,
Nam giáp xã Phú Hải,
Bắc giáp thị trấn Thuận An.

2. Đặc điểm địa hình

Đặc điểm địa bàn của xã: Vùng ven biển

Đặc điểm thủy văn: Phú Thuận là một xã đồng bằng ven biển và đầm phá, hệ thống khe hói chỉ phát triển vào mùa mưa, chủ yếu tiếp nhận nguồn nước mạch từ các khe, gò cát trong vùng thềm thấu và chảy ra phá Tam Giang. Ngược lại vào mùa khô lượng nước mạch, nước ngầm giảm thì nước mặn có thể xâm nhập vào.

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Phú Thuận đến năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	28		Tăng 1,9°C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	38	5-7	Tăng thêm khoảng 1,6-2,4°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	10	11-12	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8°C
4	Lượng mưa Trung bình	mm	630	10-11	Tăng thêm khoảng 25.1 mm

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Phú Thuận năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm			X	
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	Tăng 25cm
	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	Vd: 0,86% diện tích - 514.080ha
	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)				

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Tân An	356	25	1618	807	811	11	17
2	Trung An	247	18	1089	542	547	6	11
3	Xuân An	570	32	2429	1239	1190	21	10
4	An Dương 1	368	50	1569	748	821	19	16
5	An Dương 2	254	24	1139	559	580	8	9
6	An Dương 3	358	21	1536	778	758	11	7
Tổng số		2.153		9380	4673	4707	76	70

6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	715,03
1	Nhóm đất Nông nghiệp	127,38
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	28,45
1.1.1	Đất lúa nước	0
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	0

1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	6,96
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	21,49
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	32,32
1.2.1	Đất rừng sản xuất	0
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	32,32
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	64,78
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	64,78
1.4	Đất làm muối	
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	1,83
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	565,08
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	22,57
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng - Đất nông nghiệp: - Đất ở : 82%	

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính (%)
1	Trồng trọt			(ha)	
2	Chăn nuôi	2,0	44	(40 triệu đồng/năm)	70
3	Nuôi trồng thủy sản	3,9	85	1,2 tấn	40
4	Đánh bắt hải sản	36,9	795	10 tấn	20
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp (nước mắm)	3,3	72	28.000 lít	80
6	Buôn bán	21,6	465	(50 triệu đồng/năm)	80
7	Du lịch	1,0	22	(70 triệu đồng/năm)	50
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	31,1	670	(45 triệu đồng/năm)	40

1. Lịch sử thiên tai

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính	Số lượng	
10/2016	Bão	6	Tân An	1. Số người chết/mất tích:	Nam	1 Nữ

				2. Số người bị thương:		
				3. Số nhà bị thiệt hại:		
				4. Số trường học bị thiệt hại:		
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:		
				6. Số km đường bị thiệt hại:		
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:		
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:		
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:		
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	30	
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:		
				1. Các thiệt hại khác...:		
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:		
10/2012	Bão	3 thôn	An Dương 1 An Dương 2 An Dương 3	Số nhà bị thiệt hại:	11	
			An Dương 1	Các thiệt hại khác...: Hư hại thuyền	1	
2011	Lụt	3 thôn	Tân An, Xuân An, Trung An	thủy sản bị thiệt hại:	100 tấn	
2016	Lụt	3 thôn	Tân An, Xuân An, Trung An	Các thiệt hại khác...: Lồng cá	29	
10/2017	Lụt	3 thôn	An Dương 1 An Dương 2 An Dương 3	Số km đường bị thiệt hại:	0,5	
8/2015	Lốc	1 thôn	Xuân An	Số nhà bị thiệt hại:	15	
Hằng năm	Sạt lở bờ biển	6 thôn	Tân An, Xuân An, Trung An An Dương 1 An Dương 2 An Dương 3	Đất bị sạt lở hằng năm dọc theo bờ biển 5km, sâu vào 10-20m	Dài 5km Sâu vào 10-20 m	

	Một số quan sát về nước biển dâng trong quá khứ	6 thôn	Tân An, Xuân An, Trung An An Dương 1 An Dương 2 An Dương 3	Trong nhiều năm nay, do xâm thực bờ biển, sạt lở, mỗi năm biển lấn vào đất liền khoảng 10-20m dài 5km.		
<i>Ghi chú khác</i>						
<i>Hướng dẫn điền</i>						

2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

ST T	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến ¹	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
1	<i>Bão</i>	<i>Thôn Tân an</i>	Cao	Tăng	Cao
		<i>Thôn Trung An</i>	Cao	Tăng	Cao
		<i>Thôn Xuân An</i>	Cao	Tăng	Cao
		<i>Thôn An Dương 1</i>	Cao	Tăng	Cao
		<i>Thôn An Dương 2</i>	Cao	Tăng	Cao
		<i>Thôn An Dương 3</i>	Cao	Tăng	Cao
2	<i>Lũ lụt</i>	<i>Thôn Tân an</i>	Trung bình	Tăng	Cao
		<i>Thôn Trung An</i>	Trung bình	Tăng	Cao
		<i>Thôn Xuân An</i>	Trung bình	Tăng	Cao
		<i>Thôn An Dương 1</i>	Trung bình	Tăng	Cao
		<i>Thôn An Dương 2</i>	Trung bình	Tăng	Cao
		<i>Thôn An Dương 3</i>	Trung bình	Tăng	Cao
3	<i>Lốc</i>	<i>Thôn Xuân An</i>	Trung bình	Tăng	Cao
		<i>Thôn An Dương 1</i>	Trung bình	Tăng	Cao

¹ Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT

		<i>Thôn An Dương 2</i>	Trung bình	Tăng	Cao
		<i>Thôn An Dương 3</i>	Trung bình	Tăng	Cao
4	Sạt lở bờ biển Nước biển dâng	<i>Thôn Tân an</i>	Trung bình	Tăng	Cao
		<i>Thôn Trung An</i>	Trung bình	Tăng	Cao
		<i>Thôn Xuân An</i>	Trung bình	Tăng	Cao
		<i>Thôn An Dương 1</i>	Trung bình	Tăng	Cao
		<i>Thôn An Dương 2</i>	Trung bình	Tăng	Cao
		<i>Thôn An Dương 3</i>	Trung bình	Tăng	Cao
6	<i>Các dạng thiên tai khác</i>				

3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



4. Đối tượng dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương														
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Tân An	18	43	5	14	6	14	31	4	7	1	3	4	26		
2	Trung An	18	28	16	35		12	20			1	4	3	14		

3	Xuân An	16	30	17	40	5	13	28	3	6	1	4	4	14		
4	An Dương 1	25	50	70	150	3	20	60	5	15	4	10	9	18		
5	An Dương 2	16	30	17	40	5	6	13	3	6	1	4	4	14		
6	An Dương 3	37	60	9	190		30	54	4	12	1	1		11		
	Tổng	130	241	134	469	19	95	206	19	46	9	26	24	97		

5. Hạ tầng công cộng

a) Điện

TT	Hệ thống điện	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng	
					Kiên cố	Chưa kiên cố
1	Cột điện	Thôn Tân An	1993	Cột	45	
		Thôn Trung An	1993	Cột	40	
		Thôn Xuân An	1993	Cột	82	
		Thôn An Dương 1	1993	Cột	35	
		Thôn An Dương 2	1993	Cột	26	
		Thôn An Dương 3	1993	Cột	63	
2	Dây điện	Thôn Tân An	1993	Km	6,5	
		Thôn Trung An	1993	Km	5,5	
		Thôn Xuân An	1993	Km	10,5	
		Thôn An Dương 1	1993	Km	5	
		Thôn An Dương 2	1993	Km	3,6	
		Thôn An Dương 3	1993	Km	7,5	
3	Trạm điện	Thôn Tân An	1993	Trạm	1	
		Thôn Trung An	1993	Trạm	1	
		Thôn Xuân An	1993, 2011	Trạm	1	
		Thôn An Dương 1	2011	Trạm	1	
		Thôn An Dương 2	1993	Trạm	1	
		Thôn An Dương 3	2011	Trạm	1	
	<i>Ghi chú khác</i>					
	<i>Hướng dẫn điền</i>					

b) Đường và cầu cống

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng
----	-----------------	------	--------------	--------	------------

					Nhựa	Bê Tông	Đất
Đường	Đường quốc lộ	Thôn Tân An	1995	Km	0,6		
		Thôn Trung An	1995	Km	0,7		
		Thôn Xuân An	1995	Km	1,6		
		Thôn An Dương 1	1995	Km	0,3		
		Thôn An Dương 2	1995	Km	0,4		
		Thôn An Dương 3	1995	Km	0,9		
	Đường xã	Thôn Tân An	1997	Km		0,2	0,5
		Thôn Trung An	1997	Km		0,5	
		Thôn Xuân An	1997	Km		1,3	
		Thôn An Dương 1	1997	Km		0,8	
		Thôn An Dương 2	1997	Km		0,3	
		Thôn An Dương 3	1997	Km		1,2	
	Đường thôn	Thôn Tân An	2005, 2014	Km		2	
		Thôn Trung An	2005, 2014	Km		1	
		Thôn Xuân An	2005, 2014	Km		1,5	
		Thôn An Dương 1	2005	Km		1	
		Thôn An Dương 2	2005	Km		0,9	
		Thôn An Dương 3	2005, 2014	Km		2	
Cầu, Cống	Cống giao thông			cái	Kiên cố	Yếu/k hông đảm bảo tiêu thoát	Tạm
		Thôn Tân An	1995	cái	2		
		Thôn Trung An	1995	cái	2		
		Thôn Xuân An	1995	cái	3		
		Thôn An Dương 1	1995	cái	2		
		Thôn An Dương 2	1995	cái	0		
		Thôn An Dương 3	1995	cái	1		
Ghi chú khác							

Hướng dẫn điền

c) Trường

TT	Trường	Thôn ²	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Mầm non	An Dương 1	1990	6	4	2	
	Mầm non	Xuân An	1997	4	4		
	Trường Tiểu học Phú Thuận 1	Xuân An	1991	15	11	4	
	Trường Tiểu học Phú Thuận 2	An Dương 1	2000	14	8	6	
	Trường THCS	Xuân An	2000	22	22		
<i>Ghi chú khác</i>							
<i>Hướng dẫn điền</i>							

d) Cơ sở Y tế

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Bệnh viện ³							
	Trạm y tế	Xuân An	2008	10	10	10		
	Cơ sở khám							
<i>Ghi chú khác</i>								
<i>Hướng dẫn điền</i>								

² Nếu trường thuộc quản lý của huyện nhưng nằm tại thôn/xã này thì vẫn phải thống kê

³ Bệnh viện tỉnh, huyện nhưng nằm trên địa bàn xã thì vẫn phải thống kê

e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Trụ Sở UBND	Xuân An	1990	Phòng	20	4	
	Nhà văn hóa xã		2014	Cái	1		
	Nhà văn hóa thôn	Trung An An Dương 1	2017	Cái		2	
<i>Ghi chú khác</i>							
<i>Hướng dẫn điền</i>							

f) Chợ

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Chợ huyện/xã	An Dương 1 Trung An	2008 2011	Cái		2	
	Chợ tạm/chợ cóc			Cái			
<i>Ghi chú khác</i>							
<i>Hướng dẫn điền</i>							

6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, ôê kè)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Năm xây dựng	Số lượng			
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố (không an toàn)	
	-						
	Đê	km					
	Kè biển	Km	2017	2			
	Kênh mương	Km	1993			3	
	Cống thủy lợi	Cái	1993		5		
	Đập thủy lợi	Cái	1993			5	
	Bơm thoát nước ngập úng cục bộ	Cái	2017	3			
<i>Ghi chú khác</i>							
<i>Hướng dẫn điền</i>							

7. Nhà ở

T T	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	Tân An	356	121	200	16	
2	Trung An	247	120	212	14	
3	Xuân An	570	170	303	14	
4	An Dương 1	368	250	60	20	
5	An Dương 2	254	203	51		
6	An Dương 3	358	200	147		
	Tổng	2.153	1064	973	64	
<i>Ghi chú khác</i>						
<i>Hướng dẫn điền</i>						

8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

T T	Tên thôn	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/ khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước	Hộp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	Tân An	356	54	302				309		43
2	Trung An	247	30	210				215		40
3	Xuân An	570	86	484				496		82
4	An Dương 1	368	60	313				320		53
5	An Dương 2	254	33	216				221		20
6	An Dương 3	358	61	304				311		50
	Tổng	2.153	324	1.829				1.872		288
<i>Ghi chú khác</i>										
<i>Hướng dẫn điền</i>										

9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến (6 tháng đầu năm 2018)

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật

	Sốt rét					
	Sốt xuất huyết					
	Viêm đường hô hấp	116				
	Tay chân miệng					
	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đi nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)		34			
Ghi chú khác						
Hướng dẫn điền						

10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý

T T	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kể liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
	Rừng ngập mặn Rừng trên cát (phòng hộ) Rừng tự nhiên	1976	6 thôn	32,32		Phi lao		
	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng ngập mặn</u> nhưng chưa trồng							
	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng trên cát</u> nhưng chưa trồng							
	Rừng khác							
	Tổng							
Ghi chú khác: Các lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.								
Hướng dẫn điền								

11. Hoạt động sản xuất kinh doanh

T T	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Số lượng	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
	Trồng trọt - Lúa - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm - Cây ăn quả	Ha	0 0 0 0 0				
	Chăn nuôi - Gia súc - Gia cầm	Con	245 1.050	45 18	80% 100%		0% 0%
	Thủy Hải Sản Đánh bắt - Người dân đi biển - Tàu thuyền gần bờ - Tàu thuyền gần bờ có máy - Tàu thuyền gần bờ không có máy - Người dân đánh cá sông đầm - Thuyền đánh cá sông đầm có máy - Thuyền đánh cá sông đầm không có máy	Hộ Tàu Thuyền Thuyền Thuyền Thuyền	 57 64 62 120 234	 354 228 64 62 120 234	 50% 50%	Ngành chủ lực	50%
	Thủy hải sản Nuôi trồng - Bãi nuôi - Ao, hồ nuôi - Lồng bè - Vây chắn sáo	- Ha - Ha - Cái - Ha	67,13 168 103,5	116 64 67	30% 50% 30%	Ngành chủ lực	80%
	Du lịch - Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn - Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/khách sạn Điểm/trung tâm	1 15	 15	 50%	Ngành chủ lực	80%
	Buôn bán và dịch vụ khác		448	448	90%	Ngành chủ lực	20%
Ghi chú khác							

Các lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.

Hướng dẫn điền

(*) Mục tiềm năng phát triển: ghi rõ đánh giá của cộng đồng/xã xem đây có phải là ngành kinh tế chủ lực và xu hướng đầu tư phát triển của người dân và xã đối với ngành/lĩnh vực này trong 10-20 năm tới.

(**) Mục này điền số % - dựa trên kết quả nhận định chung về mức độ thiệt hại do thiên tai thường xuyên xảy ra với lĩnh vực này

12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

T	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	95	6 thôn
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	95	6 thôn
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	32	6 thôn
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	75	6 thôn
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0	
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	1200	6 thôn
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	1450	6 thôn

Ghi chú khác

13. Phòng chống thiên tai/TUBĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	0	Tân An, Trung An, Xuân An, An dương1, An Dương 2, An Dương 3.
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	4	Mâm non, Tiểu học 1, iểu học 2, THCS
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	0	
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	29	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	4	- Vận động chị em phụ nữ di dời khi có lệnh. - Đảm bảo nhu

				yếu phẩm cho người dân đến tránh trú thiên tai... - Giúp đỡ người già và trẻ em
	1. Số lượng đã qua đào tạo QLRRT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	chưa	
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	25	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	0	
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TUỖĐKH dựa vào cộng đồng	Người	0	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người		
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	2	
	- Áo phao	Chiếc	20	
	- Loa	Chiếc	3	
	- Đèn pin	Chiếc		
3	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	1	
	- Lều bạt	Chiếc	5	
	- Xe vận tải	Chiếc	2	
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng			
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	0	
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	1	
10	Khác....			
Ghi chú khác				
Hướng dẫn điền				

14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TỖĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

T T	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Thôn Tân An	Thôn Trung An	Thôn Xuân An	Thôn An Dương 1	Thôn An Dương 2	Thôn An Dương 3	Khả năng của xã (Cao, Trung Bình, Thấp)

1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	Cao 85 % dân có kiến thức	Cao 85 % dân có kiến thức	Cao xxx% dân có kiến thức	Cao 85 % dân có kiến thức	Cao 85 % dân có kiến thức	Cao 85 % dân có kiến thức	Cao
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng							
	- Điện	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	TB
	- Đường và cầu cống	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	TB
	- Trường	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Cao
	- Trạm	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Cao
	- Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Cao
	- Chợ	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	TB
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	% công trình		% công trình		% công trình		
4	Kỹ năng và kiến thức chống nhà cửa	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	95 % hộ dân	95 % hộ dân	95 % hộ dân	95 % hộ dân	95 % hộ dân	95 % hộ dân	Cao
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	TB	TB	TB	TB	TB	TB	
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý							
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	TB	TB	Cao	Cao	TB	TB	Cao
	Khả năng của thôn (Cao, Trung Bình, Thấp)	TB	TB	TB	TB	TB	TB	
	<i>Ghi chú khác</i>							
	<i>Hướng dẫn điền:</i>							

- Lưu ý điền kết quả đánh giá khả năng của xã theo cột (cột cuối cùng) và của từng thôn theo hàng ngang (10) – Chỉ điền mức độ (cao hoặc thấp, hoặc trung bình)
- Chỉ điền cho các thôn có năng lực cho các lĩnh vực cụ thể.

B. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Tân An	356	65 người ở vùng ngập 120 người ở ven sông, phá 20% người dân chưa biết bơi	90% hộ gia đình có ý thức trong pclb 80% người dân biết bơi	Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp
	Trung An	247	76 người ở vùng ngập 90 người ở ven sông, phá 20% người dân chưa biết bơi	90% hộ gia đình có ý thức trong pclb 80% người dân biết bơi	Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp
	Xuân An	570	160 người ở vùng ngập 60 người ở ven sông, phá 20% người dân chưa biết bơi	90% hộ gia đình có ý thức trong pclb 80% người dân biết bơi	Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp
	An Dương 1	368	170 người ở vùng ngập 20% người dân chưa biết bơi	90% hộ gia đình có ý thức trong pclb 80% người dân biết bơi	Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp
	An Dương 2	254	90 người ở vùng ngập	90% hộ gia đình có ý thức trong	Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp

			20% người dân chưa biết bơi	pcb 80% người dân biết bơi		
	An Dương 3	358	150 người ở vùng ngập 20% người dân chưa biết bơi	90% hộ gia đình có ý thức trong pcb 80% người dân biết bơi	Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp
Bão	Tân An	356	- 80 người ở trong nhà chưa kiên cố - 450 người ở trong nhà bán kiên cố - Lực lượng cứu hộ thiếu kỹ năng	85% hộ gia đình có kiến thức pc bão Có 4 điểm sơ tán bão	Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp
	Trung An	247	- 60 người ở trong nhà chưa kiên cố - 470 người ở trong nhà bán kiên cố - Lực lượng cứu hộ thiếu kỹ năng	85% hộ gia đình có kiến thức pc bão Có 3 điểm sơ tán bão	Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp
	Xuân An	570	- 58 người ở trong nhà chưa kiên cố - 82 người ở trong nhà bán kiên cố - Lực lượng cứu hộ thiếu kỹ năng	85% hộ gia đình có kiến thức pc bão Có 4 điểm sơ tán bão	Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp
	An Dương 1	368	- 85 người ở trong nhà chưa kiên cố - 256 người ở trong nhà bán kiên cố - Lực lượng cứu hộ thiếu kỹ năng	85% hộ gia đình có kiến thức pc bão Có 4 điểm sơ tán bão	Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp
	An Dương 2	254	- 228 người ở trong nhà bán kiên cố - Lực lượng cứu hộ thiếu kỹ năng	85% hộ gia đình có kiến thức pc bão Có 4 điểm sơ tán bão	Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp

	An Dương 3	358	- 631 người ở trong nhà bán kiên cố - Lực lượng cứu hộ thiếu kỹ năng	85% hộ gia đình có kiến thức pctt Có 4 điểm sơ tán bão	Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp
....	Ghi chú khác					
Hướng dẫn điền						
<ul style="list-style-type: none"> - Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B4), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13) - Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ <u>bảo vệ sinh mạng của dân</u> mà cộng đồng đã có <u>đối với loại hình thiên tai cụ thể</u> - Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro với <u>dân cư và cộng đồng</u> của từng loại hình thiên tai tại từng thôn - Cột 7: Điền mức độ rủi ro <u>đối với dân cư</u> Cao, Trung bình hoặc Thấp dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) 						

2. Hạ tầng công cộng

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Tân An	356	0,5 km đường thôn chưa bê tông hóa - 0,4km đường + đập (QL49b) thấp dễ bị nước tràn qua và sạt lở	- 0,2 km đường xã, 0,2 km đường thôn bằng bê tông - 02 cống thoát nước kiên cố	Hư hỏng giao thông Hư hỏng đường + đập	Cao Cao
	Trung An	247		- 0,5 km đường xã, 1 km đường thôn bằng bê tông - 02 cống thoát nước kiên cố	Hư hỏng giao thông	TB
	Xuân An	570		- 1,3 km đường xã, 1,5 km đường thôn bằng bê tông	Hư hỏng giao thông	TB

				- 03 cống thoát nước kiên cố		
	An Dương 1	368		- 0,8 km đường xã, 1 km đường thôn bằng bê tông - 02 cống thoát nước kiên cố	Hư hỏng giao thông	TB
	An Dương 2	254		- 0,3 km đường xã, 0,9 km đường thôn bằng bê tông	Hư hỏng giao thông	TB
	An Dương 3	358		- 1,2 km đường xã, 2 km đường thôn bằng bê tông - 01 cống thoát nước kiên cố	Hư hỏng giao thông	TB
Bão	Tân An	356	6,5 km dây điện	45 cột điện kiên cố 1 trạm điện	Dây điện đứt	TB
	Trung An	247	5,5 km dây điện	40 cột điện kiên cố 1 trạm điện 1 chợ bán kiên cố 1 nhà văn hóa bán kiên cố	Dây điện đứt Tốc mái Tốc mái	TB Cao Cao
....	Xuân An	570	10,5 km dây điện	82 cột điện kiên cố 1 trạm điện	Dây điện đứt	TB
	An Dương 1	368	5 km dây điện	35 cột điện kiên cố 1 trạm điện 1 chợ bán kiên cố 1 nhà văn hóa bán kiên cố	Dây điện đứt Tốc mái Tốc mái	TB Cao TB
	An Dương 2	254	3,6 km dây điện	26 cột điện kiên cố 1 trạm điện	Dây điện đứt	TB
	An Dương 3	358	7,5 km dây điện	63 cột điện kiên cố 1 trạm điện	Dây điện đứt	TB
....	Ghi chú khác					
Hướng dẫn điền						

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B5**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TU'BDKH (B13)
 Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BDKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với các loại cơ sở hạ tầng mà xã/thôn đã có
 Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với cơ sở hạ tầng công cộng của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
 Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với cơ sở hạ tầng công cộng dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/BD KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	6 thôn		- 3 km kênh mương chưa kiên cố - 5 đập thủy lợi chưa kiên cố - 5 cống thủy lợi bán kiên cố	- 2 km kè biển kiên cố - 3 trạm bơm thoát nước - 4 máy bơm	Kênh mương hư hại Đập thủy lợi hư	Thấp Thấp

Ghi chú khác

Hướng dẫn điền

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 & **B6**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TU'BDKH (B13)
 Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BDKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với các công trình thủy lợi mà xã/thôn đã có
 Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với công trình thủy lợi của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
 Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với công trình thủy lợi dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/BD KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
lụt	Tân An	35 6	- 20 nhà ở vùng hay bị	90% hộ có kinh nghiệm phòng	Ướt tài sản	Thấp

			ngập; 01 nhà do nữ làm chủ hộ	chống lụt 100% nhà bán kiên cố và kiên cố		
	Trung An	24 7	- 25 nhà ở vùng hay bị ngập; 01 nhà do nữ làm chủ hộ	90% hộ có kinh nghiệm phòng chống lụt 100% nhà bán kiên cố và kiên cố	Ướt tài sản	Thấp
	Xuân An	57 0	- 50 nhà ở vùng hay bị ngập; 01 nhà do nữ làm chủ hộ	90% hộ có kinh nghiệm phòng chống lụt 100% nhà bán kiên cố và kiên cố	Ướt tài sản	Thấp
	An Dương 1	36 8	- 40 nhà ở vùng hay bị ngập; 06 nhà do nữ làm chủ hộ	90% hộ có kinh nghiệm phòng chống lụt 100% nhà bán kiên cố và kiên cố	Ướt tài sản	Thấp
	An Dương 2	25 4	- 20 nhà ở vùng hay bị ngập; 02 nhà do nữ làm chủ hộ	90% hộ có kinh nghiệm phòng chống lụt 100% nhà bán kiên cố và kiên cố	Ướt tài sản	Thấp
	An Dương 3	35 8	- 35 nhà ở vùng hay bị ngập; 02 nhà do nữ làm chủ hộ	90% hộ có kinh nghiệm phòng chống lụt 100% nhà bán kiên cố và kiên cố	Ướt tài sản	Thấp
Bão	Tân An	35 6	+ 16 nhà chưa kiên cố trong đó 10 nhà do nữ làm chủ hộ + 130 nhà bán kiên cố, 12 nhà nữ làm chủ hộ	85% người dân có kinh nghiệm phòng chống bão 80% hộ chằng chống nhà cửa	Nhà sập Tóc mái	Trung bình Cao
	Trung An	24 7	+ 14 nhà chưa kiên cố	85% người dân	Nhà sập	Trung bình

			trong đó 8 nhà do nữ làm chủ hộ + 110 nhà bán kiên cố, 8 nhà nữ làm chủ hộ	có kinh nghiệm phòng chống bão 80 % hộ chằng chống nhà cửa	Tốc mái	Cao
	Xuân An	570	+ 14 nhà chưa kiên cố trong đó 4 nhà do nữ làm chủ hộ + 150 nhà bán kiên cố, 22 nhà nữ làm chủ hộ	85% người dân có kinh nghiệm phòng chống bão 80 % hộ chằng chống nhà cửa	Nhà sập Tốc mái	Trung bình Cao
	An Dương1	368	+ 20 nhà chưa kiên cố trong đó 7 nhà do nữ làm chủ hộ + 60 nhà bán kiên cố, 35 nhà nữ làm chủ hộ	85% người dân có kinh nghiệm phòng chống bão 80 % hộ chằng chống nhà cửa	Nhà sập Tốc mái	Trung bình Cao
Lốc	Tân An	356	35 nhà chưa kiên cố ở trong vùng thường có lốc Người dân còn coi thường ít phòng chống lốc	Một số nhà có ý thức phòng chống lốc	Tốc mái	Thấp
	Trung An	247	35 nhà chưa kiên cố ở trong vùng thường có lốc Người dân còn coi thường ít phòng chống lốc	Một số nhà có ý thức phòng chống lốc	Tốc mái	Thấp
	Xuân An	570	35 nhà chưa kiên cố ở trong vùng	Một số nhà có ý thức phòng chống lốc	Tốc mái	Thấp

			thường có lốc Người dân còn coi thường ít phòng chống lốc			
....	Ghi chú khác					
<p>Hướng dẫn điền</p> <p>Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 & B7), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)</p> <p>Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ <u>áp dụng đối với các Nhà ở</u> mà xã/thôn đã có</p> <p>Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro <u>đối với nhà ở</u> của <u>từng loại hình thiên tai</u> tại từng thôn</p> <p>Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp <u>đối với nhà ở</u> dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)</p>						

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt/bão	Tân An	356		54 giếng khoan 85% hộ sử dụng nước máy 88% hộ có hố xí hợp vệ sinh Có đội thu gom rác	Không	
	Trung An	247		30 giếng khoan 78% hộ sử dụng nước máy 84% hộ có hố xí hợp vệ sinh Có đội thu gom rác	Không	
	Xuân An	570		86 giếng khoan 90,5% hộ sử dụng nước máy 87,6% hộ có hố xí	Không	

				hợp vệ sinh Có đội thu gom rác		
	An Dương 1	368		60 giếng khoan 85,3% hộ sử dụng nước máy 85,6% hộ có hố xí hợp vệ sinh Có đội thu gom rác	Không	
	An Dương 2	254		33 giếng khoan 78,8% hộ sử dụng nước máy Có đội thu gom rác	Không	
	An Dương 3	358		61 giếng khoan 85% hộ sử dụng nước máy 86% hộ có hố xí hợp vệ sinh Có đội thu gom rác	Không	
....	Ghi chú khác					

Hướng dẫn điền

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 & B8), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với quản lý sử dụng nước, công tác vệ sinh môi trường mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với quản lý sử dụng nước, công tác vệ sinh môi trường của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với quản lý sử dụng nước, công tác vệ sinh môi trường dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt/bão	6 thôn			- Trạm Y tế 2 tầng		

			<ul style="list-style-type: none"> - 4 thôn chưa có y tế thôn (do mới tách thôn An Dương 3, Tân An, Trung An, Xuân An) - 40 % người dân có ý thức về phòng bệnh chưa cao 	<ul style="list-style-type: none"> kiên cố, trang thiết bị y tế đầy đủ - Trạm có 2 bác sỹ (2 nữ), 2 nữ hộ sinh, 1 dược sỹ, 1 y sỹ (tất cả là nữ) đã qua đào tạo chính quy - Có 2 thôn có cán bộ y tế thôn(An Dương 1, An Dương 2) - 60% người dân có ý thức về phòng chống dịch bệnh - Người dân thường đến khám bệnh tại trạm - Công tác phòng chống dịch bệnh tốt 	<p>Nguy cơ quản lý dịch bệnh chưa kịp thời</p>	<p>Thấp</p>
--	--	--	---	---	--	-------------

Hướng dẫn điền

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B5d, B9**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Thôn An Dương 1		<ul style="list-style-type: none"> - 2 phòng học Mầm non bán kiên cố - 6 phòng học trường tiểu học Phú Thuận 2 bán kiên cố 	<ul style="list-style-type: none"> 4 phòng học Mầm non kiên cố 8 phòng học trường Tiểu học Phú thuận 2 kiên cố 	Tốc mái	Thấp

	Thôn Xuân An		4 phòng học trường Tiểu học Phú Thuận 1 bán kiên cố	4 phòng học Mầm non kiên cố 11 phòng học trường Tiểu học Phú Thuận 1 kiên cố 22 phòng học trường THCS kiên cố	Tóc mái	Thấp
....	Ghi chú khác					
<p>Hướng dẫn điền Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, B5c), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH (B13) Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ <u>áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục</u> mà xã/thôn đã có Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro <u>đối với lĩnh vực giáo dục</u> của từng loại hình thiên tai tại từng thôn Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp <u>đối với lĩnh vực y giáo dục</u> dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)</p>						

8. Rừng

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUỖĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	6 thôn		32,32 rừng phi lao phòng hộ ven biển cây trồng đã lâu	Xã quản lý rừng phòng hộ ven biển	Cây gãy	TB
....	Ghi chú khác					
<p>Hướng dẫn điền Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, B10), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH (B13) Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ <u>áp dụng đối với lĩnh vực rừng và quản lý rừng cộng đồng</u> mà xã/thôn đã có Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro <u>đối với lĩnh vực rừng và quản lý rừng cộng đồng</u> của từng loại hình thiên tai tại từng thôn Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp <u>đối với rừng và quản lý rừng cộng đồng</u> dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)</p>						

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
....	<i>Ghi chú khác</i> Không có					

Hướng dẫn điền

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực trồng trọt mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực trồng trọt của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực trồng trọt dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lợn/bào	6 thôn			245 con gia súc 1.400 gia cầm được nuôi trên vùng cao an toàn, có chuồng trại		
....	<i>Ghi chú khác</i>					

Hướng dẫn điền

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Chăn nuôi mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Chăn nuôi của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Chăn nuôi dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

11. Thủy Sản

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Tân An	356	10 ha nuôi trồng thủy sản 100 Lồng cá 30 thuyền chèo đánh bắt trên sông, đầm	80% hộ nuôi trồng có trang bị máy móc 40 thuyền máy đánh bắt trên sông, phá	Cá trôi Cá chết Thuyền chìm Thuyền hư hỏng	Cao Cao Thấp TB
	Trung An	247	20 ha nuôi trồng thủy sản 101 Lồng cá 120 thuyền chèo đánh bắt trên sông, đầm	80% hộ nuôi trồng có trang bị máy móc 7 thuyền máy đánh bắt trên sông, phá	Cá trôi Cá chết Thuyền chìm Thuyền hư hỏng	Cao Cao Thấp TB
	Xuân An	570	30 ha nuôi trồng thủy sản 50 Lồng cá 130 thuyền chèo đánh bắt trên sông, đầm	80% hộ nuôi trồng có trang bị máy móc 5 thuyền máy đánh bắt trên sông, phá	Cá trôi Cá chết Thuyền chìm Thuyền hư hỏng	Cao Cao Thấp TB
	An Dương 1	368	11 ha nuôi trồng thủy sản 15 thuyền chèo đánh bắt trên sông, đầm	90% hộ nuôi trồng có trang bị máy móc 2 thuyền máy đánh bắt trên sông, phá	Cá trôi Cá chết Thuyền chìm Thuyền hư hỏng	Cao Cao Thấp TB
	An Dương 3	358	9 ha nuôi trồng thủy sản 10 thuyền chèo đánh bắt trên sông, đầm	70% hộ nuôi trồng có trang bị máy móc 3 thuyền máy đánh bắt trên sông, phá	Cá trôi Cá chết Thuyền chìm Thuyền hư hỏng	Cao Cao Thấp TB
Bão	Tân An	356	40 thuyền nhỏ đánh bắt gần bờ, thiếu các trang thiết bị cứu hộ	20 thuyền lớn đánh bắt xa bờ có trang bị thông tin liên lạc, cứu hộ	Thuyền hư	TB
	Trung An	247	45 thuyền nhỏ đánh	8 thuyền lớn	Thuyền hư	TB

		bắt gàn bờ, thiếu các trang thiết bị cứu hộ	đánh bắt xa bờ có trang bị thông tin liên lạc, cứu hộ		
Xuân An	570	15 thuyền nhỏ đánh bắt gàn bờ, thiếu các trang thiết bị cứu hộ	30 thuyền lớn đánh bắt xa bờ có trang bị thông tin liên lạc, cứu hộ	Thuyền hu	TB
An Dương 1	368	10 thuyền nhỏ đánh bắt gàn bờ, thiếu các trang thiết bị cứu hộ	7 thuyền lớn đánh bắt xa bờ có trang bị thông tin liên lạc, cứu hộ	Thuyền hu	TB
An Dương 2	254	10 thuyền nhỏ đánh bắt gàn bờ, thiếu các trang thiết bị cứu hộ	28 thuyền lớn đánh bắt xa bờ có trang bị thông tin liên lạc, cứu hộ	Thuyền hu	TB
An Dương 3	358	11 thuyền nhỏ đánh bắt gàn bờ, thiếu các trang thiết bị cứu hộ	23 thuyền lớn đánh bắt xa bờ có trang bị thông tin liên lạc, cứu hộ	Thuyền hu	TB

.... **Ghi chú khác**

Hướng dẫn điền

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUĐBKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/ĐKKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Thủy sản mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Thủy sản của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Thủy sản dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

12. Du lịch

Loại hình Thiên tai/ĐKKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTĐBTT	Năng lực PCTT TUĐKKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ĐKKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
Bão	Tân An	356	10 quán sát bờ biển, nhà đơn sơ		Sập/ tốc mái quán	Cao
	Xuân An	570	6 quán sát bờ biển, nhà đơn sơ	1 Khu du lịch xây dựng kiên cố	Sập/ tốc mái quán	Cao
	An Dương 1	368	5 quán sát bờ biển, nhà đơn sơ		Sập/ tốc mái quán	Cao
	An Dương 2	254	4 quán sát bờ biển,		Sập/ tốc mái	Cao

			nhà đơn sơ		quán	
	An Dương 3	358	4 quán sát bờ biển, nhà đơn sơ		Sập/ tốc mái quán	Cao
....	Ghi chú khác					
Hướng dẫn điền						
Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, B11), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUĐDKH (B13)						
Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/ĐKKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ <u>áp dụng đối với lĩnh vực Du lịch</u> mà xã/thôn đã có						
Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro <u>đối với lĩnh vực Du lịch</u> của <u>từng loại hình thiên tai</u> tại từng thôn						
Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp <u>đối với lĩnh vực Du lịch</u> dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)						

13. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/ĐKKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTĐBTT	Năng lực PCTT TUĐDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ĐKKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Xuân An	570	4 hộ buôn bán thường bị ngập sâu	Các hộ có chuẩn bị tốt để phòng công lụt	Ướt hàng hóa	Thấp
	An Dương 1	368	14 hộ buôn bán thường bị ngập sâu	Các hộ có chuẩn bị tốt để phòng công lụt	Ướt hàng hóa	Thấp
Bão	Tân An	356	6 hộ buôn bán có cửa hàng chưa được an toàn	4 hộ buôn bán có nhà kiên cố	Hàng hóa bị ướt/hư	Thấp
	Trung An	247	20 hộ buôn bán có cửa hàng chưa được an toàn	8 hộ buôn bán có nhà kiên cố	Hàng hóa bị ướt/hư	Thấp
....	Xuân An	570	16 hộ buôn bán có cửa hàng chưa được an toàn	6 hộ buôn bán có nhà kiên cố	Hàng hóa bị ướt/hư	Thấp
	An Dương 1	368	2 hộ sản xuất nước mắm có cơ sở chưa được kiên cố	12 hộ buôn bán có nhà kiên cố 12 hộ sản xuất nước mắm có cơ sở kiên cố	Hư hại nguyên vật liệu, dụng cụ	Thấp

	An Dương 2	254		15 hộ buôn bán có nhà kiên cố 15 hộ sản xuất nước mắm có cơ sở kiên cố		
	An Dương 3	358		21 hộ buôn bán có nhà kiên cố 19 hộ sản xuất nước mắm có cơ sở kiên cố		

.... **Ghi chú khác**

Hướng dẫn điền

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Kinh doanh buôn bán và dịch vụ khác mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Kinh doanh buôn bán và dịch vụ khác của **từng loại hình thiên tai** tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Kinh doanh buôn bán và dịch vụ khác dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão /lụt	6 Thôn		-25% người dân chưa nghe được thông tin, cảnh báo từ loa truyền thanh của xã - 32 loa truyền thanh treo cao -10km đường dây truyền thanh giăng khắp các thôn	- 75% người dân tiếp cận được thông tin từ loa truyền thanh - 95% hộ dân có TV - 1.450 hộ tiếp cận Internet - 1 máy phát điện dự phòng	Không nghe được thông tin cảnh báo Loa và dây truyền thanh bị hư , đứt	TB TB

.... **Ghi chú khác**

Hướng dẫn điền

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B12), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

15. Phòng chống thiên tai/TU'ĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'ĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão/Lụt	Tân An	356	+ Thôn chưa xây dựng kế hoạch PCTT hằng năm + Thông không có các phương tiện, dụng cụ cho công tác PCTT + Thôn không có đội xung kích cứu hộ, cứu nạn + 70% người dân chưa có kiến thức về PCTT, TUBĐKH	Thôn có Ban PCTT thôn Phụ nữ có tham gia vào ban PCTT thôn 30% người dân có kiến thức về PCTT 85% hộ gia đình có kinh nghiệm và ý thức trong phòng chống thiên tai	Ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản	TB
	Trung An	247	+ Thôn chưa xây dựng kế hoạch PCTT hằng năm + Thông không có các phương tiện, dụng cụ cho công tác PCTT + Thôn không có đội xung kích cứu hộ, cứu nạn + 70% người dân chưa có kiến thức về PCTT, TUBĐKH	Thôn có Ban PCTT thôn Phụ nữ có tham gia vào ban PCTT thôn 30% người dân có kiến thức về PCTT 85% hộ gia đình có kinh nghiệm và ý thức trong phòng chống thiên tai	Ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản	TB
	Xuân An	570	+ Thôn chưa xây dựng kế hoạch PCTT hằng năm + Thông không có các phương tiện, dụng cụ cho công tác PCTT	Thôn có Ban PCTT thôn Phụ nữ có tham gia vào ban PCTT thôn 30% người dân	Ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản	TB

			+ Thôn không có đội xung kích cứu hộ, cứu nạn + 70% người dân chưa có kiến thức về PCTT, TUBĐKH	có kiến thức về PCTT 85% hộ gia đình có kinh nghiệm và ý thức trong phòng chống thiên tai		
	An Dương 1	368	+ Thôn chưa xây dựng kế hoạch PCTT hằng năm + Thông không có các phương tiện, dụng cụ cho công tác PCTT + Thôn không có đội xung kích cứu hộ, cứu nạn + 70% người dân chưa có kiến thức về PCTT, TUBĐKH	Thôn có Ban PCTT thôn Phụ nữ có tham gia vào ban PCTT thôn 30% người dân có kiến thức về PCTT 85% hộ gia đình có kinh nghiệm và ý thức trong phòng chống thiên tai	Ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản	TB
	An Dương 2	254	+ Thôn chưa xây dựng kế hoạch PCTT hằng năm + Thông không có các phương tiện, dụng cụ cho công tác PCTT + Thôn không có đội xung kích cứu hộ, cứu nạn + 70% người dân chưa có kiến thức về PCTT, TUBĐKH	Thôn có Ban PCTT thôn Phụ nữ có tham gia vào ban PCTT thôn 30% người dân có kiến thức về PCTT 85% hộ gia đình có kinh nghiệm và ý thức trong phòng chống thiên tai	Ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản	TB
	An Dương 3	358	+ Thôn chưa xây dựng kế hoạch PCTT hằng năm + Thông không có các phương tiện, dụng cụ cho công tác PCTT + Thôn không có đội xung kích cứu hộ, cứu nạn + 70% người dân chưa có kiến thức về PCTT, TUBĐKH	Thôn có Ban PCTT thôn Phụ nữ có tham gia vào ban PCTT thôn 30% người dân có kiến thức về PCTT 85% hộ gia đình có kinh nghiệm và ý thức trong phòng chống thiên tai	Ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản	TB
....	Ghi chú khác					

Hướng dẫn điền

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TUBĐKH mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TUBĐKH của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TUBĐKH dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

16. Giới trong PCTT và BĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt/ bão	Tân An	356	+ 25 nữ là chủ hộ + Tỷ lệ nữ tham gia các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai thấp + Không có nữ trong lực lượng cứu hộ	+ Tỷ lệ nữ và nam gần bằng nhau trong các công việc sản xuất, một số công việc phụ nữ tham gia nhiều hơn + Phụ nữ được tham gia tập huấn, cung cấp kiến thức KHKT về nuôi trồng thủy sản	Thiệt hại về nhà Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp Thấp
	Trung An	247	+ 18 nữ là chủ hộ + Tỷ lệ nữ tham gia các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai thấp + Không có nữ trong lực lượng cứu hộ	+ Tỷ lệ nữ và nam gần bằng nhau trong các công việc sản xuất, một số công việc phụ nữ tham gia nhiều hơn + Phụ nữ được tham gia tập huấn, cung cấp kiến thức KHKT về nuôi trồng thủy sản	Thiệt hại về nhà Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp Thấp
	Xuân An	570	+ 32 nữ là chủ hộ + Tỷ lệ nữ	+ Tỷ lệ nữ và nam gần bằng nhau trong các		

			tham gia các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai thấp + Không có nữ trong lực lượng cứu hộ	công việc sản xuất, một số công việc phụ nữ tham gia nhiều hơn + Phụ nữ được tham gia tập huấn, cung cấp kiến thức KHKT về nuôi trồng thủy sản	Thiệt hại về nhà Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp Thấp
	An Dương 1	368	+ 50 nữ là chủ hộ + Tỷ lệ nữ tham gia các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai thấp + Không có nữ trong lực lượng cứu hộ	+ Tỷ lệ nữ và nam gần bằng nhau trong các công việc sản xuất, một số công việc phụ nữ tham gia nhiều hơn + Phụ nữ được tham gia tập huấn, cung cấp kiến thức KHKT về nuôi trồng thủy sản	Thiệt hại về nhà Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp Thấp
	An Dương 2	254	+ 14 nữ là chủ hộ + Tỷ lệ nữ tham gia các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai thấp + Không có nữ trong lực lượng cứu hộ	+ Tỷ lệ nữ và nam gần bằng nhau trong các công việc sản xuất, một số công việc phụ nữ tham gia nhiều hơn + Phụ nữ được tham gia tập huấn, cung cấp kiến thức KHKT về nuôi trồng thủy sản	Thiệt hại về nhà Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp Thấp
	An Dương 3	358	+ 21 nữ là chủ hộ + Tỷ lệ nữ tham gia các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai thấp + Không có nữ trong lực	+ Tỷ lệ nữ và nam gần bằng nhau trong các công việc sản xuất, một số công việc phụ nữ tham gia nhiều hơn + Phụ nữ được	Thiệt hại về nhà Ảnh hưởng đến tính mạng	Thấp Thấp

			lượng cứu hộ	tham gia tập huấn, cung cấp kiến thức KHKT về nuôi trồng thủy sản		
<p>Hướng dẫn điền</p> <p>Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TU'ĐKH (B13)</p> <p>Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ <u>áp dụng đối với lĩnh vực Giới trong Phòng chống thiên tai/TU'ĐKH</u> mà xã/thôn đã có</p> <p>Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro <u>đối với lĩnh vực Giới Phòng chống thiên tai/TU'ĐKH</u> của <u>từng loại hình thiên tai</u> tại từng thôn</p> <p>Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp <u>đối với lĩnh vực Giới Phòng chống thiên tai/TU'ĐKH</u> dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)</p>						

17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'ĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	An Dương 1		2 hộ sản xuất nước mắm có cơ sở chưa an toàn	12 hộ sản xuất nước mắm có cơ sở kiên cố	Hư hại phương tiện và sản phẩm	Thấp
	An Dương 2			15 hộ sản xuất nước mắm có cơ sở kiên cố		
	An Dương 3			21 hộ sản xuất nước mắm có cơ sở kiên cố		
....	Ghi chú khác					

Hướng dẫn điền

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B14**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TU'ĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực khác mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực khác của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực khác dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

C. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

TT	Rủi ro thiên tai	TTDBTT	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Thuyền hư hỏng	Thuyền nhỏ, bằng gỗ, tre đan.	- Không có khu neo đậu - Còn chủ quan trong việc neo đậu	- Quy hoạch xây dựng khu neo đậu tàu thuyền; - Thông luồng lạch và nơi neo đậu tàu thuyền - Theo dõi lũ lụt để phòng tránh. - Nâng cao nhận thức
2	Cá tôm chết	Cá tôm nuôi trong đầm phá	- Do môi trường nước thải (nước nóng, nước ngọt vè); - Chưa có biện pháp xử lý nguồn nước ngọt.	- Theo dõi nguồn nước, môi trường để có kế hoạch thu gom tôm cá. - Cung cấp kiến thức về nuôi trồng thủy sản
3	Sập nhà	Nhà chưa kiên cố ở trong vùng thường xuyên bị bão	- Do nhà chưa kiên cố và bán kiên cố - Chằng chống không đảm bảo	Kiên cố hóa nhà cửa
4	Cá tôm trôi	Cá tôm nuôi ở dòng nước chảy, mặt hồ thấp	- Đê bao yếu, dễ vỡ - Lưới vây không đảm bảo	- Gia cố, kiên cố hóa đê bao; - Khắc phục mua mới ngư lưới cụ, - - Giăng mùng, sáo khi có lụt
5	Nhà tốc mái	Nhà thiếu kiên cố ở trong vùng gió bão	- Gia cố nhà cửa không chắc chắn; - Chủ quan, thiếu kiến thức	- Nâng cao kiến thức về thiên tai, chằng chống nhà cửa; - Gia cố nhà cửa; - Di dời nhà cửa khỏi khu vực nguy hiểm.
6	Đường hư	Đường ở trong vùng ngập	- Không có chỗ thoát nước, nước ú lâu ngày; - Nước ngập sâu, rút chậm, thiếu máy bơm để hút nước thoát ra ngoài biển,	- Nâng mặt bằng; - Sửa chữa, nâng cấp đường. - Tăng cường các biện pháp thoát nước
7	Thiếu thông tin	Người dân ở các vùng xa không nghe	Loa truyền thanh thiếu không phủ khắp các vùng	Nâng cấp hệ thống truyền thanh

		được thông tin cảnh báo	xa	
--	--	-------------------------	----	--

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp (****)	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	
An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới	Nâng cao nhận thức, năng lực về phòng chống thiên tai	Người dân các thôn và phụ nữ	+ Tập huấn các kiến thức và kỹ năng về phòng, chống thiên tai	X		Nhà nước Các tổ chức
			+ Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các lớp tập huấn	X		Nhà nước Các tổ chức
Hạ tầng công cộng	+ Quy hoạch, xây dựng khu neo đậu tàu thuyền	Các hộ có tàu thuyền các thôn	Quy hoạch vùng đất và xây dựng khu neo đậu tàu thuyền an toàn		X	Nhà nước
	+ Khai thông luồng lạch	Các hộ có tàu thuyền các thôn	Tổ chức khai thông luồng lạch	X		Người dân
	+ Tăng cường hệ thống thoát nước bảo vệ đường sá không bị hư hỏng	Người dân các thôn	+ Xây dựng trạm bơm + Vận động người dân mua máy bơm nước chống ngập	X	X	Nhà nước Nhân dân

	+ Nâng cấp đường đập	Người dân các thôn	+ Kiến nghị nâng cao 400m đoạn đường (+ đập) (đập Hòa Duân củ đoạn qua thôn Tân An)		X	Nhà nước
Công trình thủy lợi						
Nhà ở	+ Nâng cao nhận thức cộng đồng	Người dân các thôn	Tuyên truyền Tập huấn	X	X	Nhà nước
	+ Kiên cố hóa nhà cửa	Người dân các thôn	+ Gia cố, xây mới nhà an toàn		X	Nhà nước, các đoàn thể & nhân dân
			+ Chằng chống nhà cửa	X		Nhân dân
	+ Quy hoạch vùng an toàn		* Di dời những hộ nhà sát biển vào vùng an toàn		X	Nhà nước
Nước sạch, vệ sinh và môi trường						
Y tế và quản lý dịch bệnh						
Giáo dục						
Rừng						

Trồng trọt						
Chăn nuôi						
Thủy sản	+ Nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ tàu thuyền	Các hộ có tàu thuyền	+ Tuyên truyền người dân bảo vệ thuyền khi mưa bão	X		Người dân
	+ Tăng cường thông tin về nước xả, bảo vệ đàn cá, tôm nuôi	Các hộ nuôi tôm, cá trên sông, đầm	+ Kiến nghị nhà máy thủy điện thông báo khi xả nước- Tăng cường thông tin, cảnh báo	X		Nhà nước & nhân dân
	+ Tôn cao nền đê	Các hộ nuôi tôm, cá trên sông, đầm	+ Đắp đất/ kiên cố bờ đê hồ nuôi	X		Nhân dân
	+ Bảo vệ cá, tôm nuôi	Các hộ nuôi tôm, cá trên sông, đầm	+ Vây lưới, mùng để bảo vệ cá khi có lụt	X		Nhân dân
	+ Nâng cao kiến thức nuôi trồng thủy sản	Các hộ nuôi tôm, cá trên sông, đầm	Tập huấn kiến thức về nuôi trồng thủy sản	X		Nhà nước & nhân dân
Du lịch						
Buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác						
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Tăng cường hệ thống truyền thanh	Người dân ở các thôn	+ Nâng cấp hệ thống truyền thanh đảm bảo 100% hộ gia đình đều nghe thông tin cảnh báo + Trang bị loa cầm tay cho các	X		Nhà nước Các tổ chức

			thôn			
Phòng chống thiên tai và TUBĐKH	+ Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác PCTT	Người dân ở các thôn	+ Tập huấn về quản lý thiên tai cho cán bộ xã, thôn, các ban ngành	X		Nhà nước Các tổ chức
	+ Nâng cao kỹ năng cho lực lượng cứu hộ thôn, xã	Người dân ở các thôn	+ Thành lập các đội cứu hộ thôn Tập huấn kỹ năng về cứu hộ-sơ cấp cứu cho lực lượng cứu hộ xã, thôn	X		Nhà nước
	+ Nâng cao năng lực phòng chống thiên tai xã, thôn	Người dân ở các thôn	+ Trang bị các phương tiện, dụng cụ phòng chống thiên tai cho các thôn và xã	X		Nhà nước Các tổ chức
Lĩnh vực Bình đẳng Giới (***)	Tăng cường sự tham gia của nữ trong công tác phòng, chống thiên tai	Phụ nữ	+ Bổ sung các thành viên nữ trong BCH PCTT&TKCN thôn và tr trong các lực lượng cứu hộ	X		Nhà nước
			+ Tạo điều kiện để phụ nữ được tham gia các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai	X		Nhà nước

Lưu ý khác

Hướng dẫn điền:

(*) Dựa trên kết quả của bảng D1. Không nhất thiết phải đưa vào báo cáo nếu không phải là vấn đề ưu tiên của

cộng đồng

(**) Cho cả khía cạnh vật chất, tổ chức thể chế xã hội và nhận thức kinh nghiệm

(***) Bắt buộc phải đưa vào phân tích

(****) Tóm tắt các đề xuất đối với các cấp có thẩm quyền và các bên liên quan để có sự hỗ trợ và hợp tác cụ thể)

3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã

- Hiện nay trên biển thường có xuất hiện vòi rồng, lốc tố, dù vùng biển Phú Thuận chưa xảy ra nhưng cũng chú ý đề phòng
- Tình trạng ngập úng cục bộ kéo dài cũng xảy ra trên diện rộng (ở tất cả các thôn) ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

- Người dân làm nghề nò sáo, nuôi vây chẵn sáo trên đầm phá không theo quy hoạch, lấn chiếm lòng lạch. Khi có lũ lụt xảy ra đã cản trở dòng chảy làm cho lũ xuống chậm, ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

- Đề nghị bổ sung tình hình xâm thực biển gây sạt lở bờ biển vì đây là loại thiên tai gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài sản và sinh kế của người dân và có giải pháp xây kè kiên cố bảo vệ bờ biển
- Đưa giải pháp phòng chống thiên tai vào lĩnh vực dịch vụ, du lịch đây là lĩnh vực kinh tế hàng đầu của địa phương và cũng dễ bị tổn thương do thiên tai gây ra.
- Ý thức của người dân làm nghề khai thác đầm phá chưa cao, khi bão chưa tan người dân đã tham gia khai thác nguy cơ rủi ro cao.
- Khu neo đậu tàu thuyền chỉ mới cho các tàu lớn, các thuyền nhỏ chưa có nơi neo đậu an toàn

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã
TM UBND Xã**

(đã ký)

D. Phụ lục

1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên (Nam/Nữ)	Đơn vị	Số điện thoại
1	Nguyễn Quang Dân	PCT UBND xã	0963086363
2	Hồ Văn Tê	Cán bộ UBND xã	0914126613

3	Trần Hùng	Cán bộ UBND xã	0905584812
4	Đặng Văn Lương	Cán bộ UBND xã	0935289116
5	Hồ Văn Phong	Cán bộ UBND xã	0961061605
6	Nguyễn Thị Mai	Cán bộ UBND xã	01216759615
7	Trần Thị Thảo	Thôn An Dương 3	01638715199
8	Nguyễn thị Mai Trang	Cán bộ UBND xã	0967759292
9	Nguyễn Thị Thu Phượng	Cán bộ UBND xã	0986343708
10	Hồ Văn sử	Cán bộ UBND xã	0974806488

2. Phụ lục 2: Các bằng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn Lịch sử thiên tai

Năm, tháng	Thiên tai	Đặc điểm	Khu vực ảnh hưởng	Thiệt hại gì	Tại sao	Đã làm gì
10/2016	Bão	Lớn	Toàn xã	Chết 1 người (nữ), chìm 1 đò, 30 mồng thiệt hại tại thôn Tân An.	Đi làm nghề trong thời tiết mưa bão,	
2016	Lụt	Lớn	Tân An, Xuân An, Trung An	Cá lồng trôi 29 lồng tại thôn (Tân An 10, Trung An 9, Xuân An 10)	lồng bè chưa kiên cố, dễ bị vỡ, mùng sập, nước ngọt về làm chết cá	Dự trữ lương thực
2011	Lụt	Lớn	Tân AN	Mất mồng vây, lồng cá khoảng 30 chiếc. Cá bị chết, trôi khoảng : Trung An 20 Tân An 30 tấn, Xuân An 50 tấn Hồ bị ngập	Nước lớn, mưa lâu, đe dọa yếu chưa kiên cố chưa có bảo vệ mái	Thu gom hải sản
8/2015	Lốc	Lớn	Xuân An	Tốc mái 15 nhà	Nhà bán kiên cố,	

					chưa có kỹ thuật chằng chống	
Sạt lở bờ biển, xâm thực biển	Sạt lở hằng năm	Ảnh hưởng toàn xã	Mỗi năm biển xâm thực khoảng 10-20m hằng năm	Hằng năm xâm thực từ 10-20m chiều sâu, chiều dài dọc theo bờ biển khoảng 5km	Hệ thống kè biển chưa đảm bảo, mới hoàn thành 300/1000m đê tại vị trí xung yếu trên tổng 5km đường bờ biển	Di dời các hộ dân trong khi vực, An Dương 1: 10 hộ An Dương 2: 15 hộ An Dương 3: 10 hộ
10/2017	Lụt	Lớn	An Dương 1+2+3	3 thôn thiệt hại 500m đường AD1 200m, AD2 100m, AD3 200m. Ngập AD1 40 hộ, AD2 20 hộ, AD3 40 hộ	Mưa lớn không có lối thoát nước gây ngập úng làm hỏng đường	Người dân dung máy nổ để bơm nước ra biển AD1 4 máy công suất 50 CV, AD2 2 trạm bơm điện, AD3 1 trạm bơm điện và 1 máy bơm
10/2012	Bão số 10	Toàn xã	3 thôn AD 1+2+3	Phá vỡ âu thuyền 20m nằm ở AD1, tốc mái 11 nhà(AD1 4 nhà, AD2 2 nhà, AD3 5 nhà) Thiệt hại nặng về cá hồ AD1 1.3 tấn, AD3 7 Tạ. Vỡ Đê	Nước đổ về phá âu thuyền nhà chưa kiên cố, chưa chằng chống đúng kỹ thuật	Di dời người dân đi tới nơi an toàn, đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ.

TỔNG HỢP RỦI RO THIÊN TAI XÃ PHÚ THUẬN

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng chống thiên tai	Rủi ro
Bão	Ngày một nhiều cơn bão hơn	AN TOÀN CỘNG ĐỒNG + 64 nhà chưa kiên cố (Tân An 16/10, Trung An 14/10, Xuân An 14/4, An Dương 1: 20); 31 nữ là chủ hộ (Tân An 10, Trung An 10, Xuân An 4, An Dương	AN TOÀN CỘNG ĐỒNG 1195 nhà kiên cố (Tân An 207, Trung An 126, Xuân An 332, An Dương 1: 250, An Dương 2: 80, An Dương 3:	Sập nhà Chết

	<p>17)</p> <p>-283 người ở trong nhà chưa kiên cố (Tân An 80, Trung An 60, Xuân An 58, An Dương 1 85 người)</p> <p>+ 617 nhà bán kiên cố (Tân An 130/25, Trung An 110/30, Xuân An 150/82, AD1: 60, AD2:51, AD3: 137), 214 nữ là chủ hộ (Tân An 25, Trung An 30, Xuân An 82, AD1-2-3 77),</p> <p>- 2635 người ở trong nhà bán kiên cố (Tân An 450, Trung An 470, Xuân An 600, An Dương 1: 256 , An Dương 2: 228, An Dương 3: 631)</p> <p>16 người của lực lượng cứu hộ chưa có kỹ năng về cứu hộ, sơ cấp cứu</p> <p>100% thôn không có lực lượng cứu hộ</p> <p>- 15% người dân chưa có kiến thức, còn chủ quan trong công tác phòng chống thiên tai (Tân An 15%, Trung An 15%, Xuân An 15%, An Dương 1 15%, An Dương 2 15%, An Dương 3 15%)</p> <p>- 15% người dân chưa có kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa(Tân An 15%, Trung An 15%, Xuân An 15%)</p> <p>20 % người dân chưa có kinh nghiệm về phòng chống thiên tai (Tân An 20%, Trung An 20%, Xuân An 20%, An Dương 1: 20%, An Dương 2: 20%, An Dương 3: 20%)</p> <p>24,5 km đường dây điện (Tân An 3,5, Trung An 3, Xuân An 4, An Dương 1: 5, An Dương 2: 4, An Dương 3: 5)</p> <p>114 cột điện chưa kiên cố (An Dương 1: 38, An Dương 2: 36, An Dương 3: 40)</p> <p>30% người dân chưa nghe được thông tin cảnh báo thiên tai từ loa truyền thanh (Tân An 30, Trung An 30, Xuân An 30, An Dương 1: 30, An Dương 2: 30, An Dương 3: 30)</p> <p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>99 thuyền đánh bắt gần bờ có gắn máy (Tân An 40, Trung An 45, Xuân</p>	<p>200)</p> <p>15 điểm sơ tán bão (Tân An 4, Trung An 3, Xuân An 3, An Dương 1: 2, An Dương 2 : 3 điểm)</p> <p>Lực lượng cứu hộ xã 20 người, nữ : 0</p> <p>4 người của lực lượng cứu hộ có kỹ năng về cứu hộ, sơ cấp cứu</p> <p>85 % người dân có kiến thức, chủ động trong công tác phòng chống thiên tai (Tân An 85, Trung An 85, Xuân An 85, An Dương 1: 85%, An Dương 2: 85%, An Dương 3 85%)</p> <p>85% người dân có kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa (Tân An 85%, Trung An 85, Xuân An 85, An Dương 1 85%, An Dương 2 85%, An Dương 3 85%)</p> <p>80 % người dân có kinh nghiệm về phòng chống thiên tai (Tân An 80%, Trung An 80%, Xuân An 80%, An Dương 1 80%, An Dương 2 80%, An Dương 3 80%)</p> <p>70% người dân nghe được thông tin cảnh báo thiên tai từ loa truyền thanh (Tân An 70%, Trung An 70%, Xuân An 70% An Dương 1 70%, An Dương 2 70%, An Dương 3 70%)</p>	<p>người</p> <p>Tốc mái</p>
--	---	---	-----------------------------

		<p>An 10, An Dương 1 1, An Dương 2 2, An Dương 3 1)</p> <p>198 người đánh bắt gần bờ có gắn máy</p> <p>(Tân An 80, Trung An 90, Xuân An 20, An Dương 1 2, An Dương 2 4, An Dương 3 2)</p> <p>125 thuyền đánh bắt trên sông, đầm không có gắn máy (Tân An 30, Trung An 35, Xuân An 60)</p> <p>250 người trên thuyền đánh bắt trên sông, đầm không có gắn máy , nữ 125</p> <p>20 thuyền tại An Dương 1 chưa có nơi neo đậu an toàn khi có bão</p> <p>90% thuyền chưa có nơi neo đậu an toàn khi có bão tại 3 thôn (Tân An 90%, Trung An 90%, Xuân An 90%)</p> <p>50% thuyền không có chuẩn bị các phương tiện cứu hộ, cứu nạn (Tân An 50%, Trung An 50%, Xuân An 50%)</p> <p>82 ha nuôi trồng thủy sản bằng sáo, mồng</p> <p>(Tân An 20, Trung An 1, Xuân An 50, An Dương 1 11 ha)</p> <p>56 hộ nuôi trồng thủy sản bằng sáo, mồng;</p> <p>nữ 110 (An Dương 1: 5, Tân An 40, Trung An 2, Xuân An 9)</p> <p>2 hộ sản xuất nước mắm có cơ sở chưa được kiên cố (An Dương 2: 02)</p> <p>29 quán ở bãi tắm làm trống trải (Tân An 10, , Xuân An 6, An Dương 1: 5, An Dương 2: 4, An Dương 3: 4)</p> <p>42 hộ buôn bán có cửa hàng (nhà) chưa được kiên cố (Tân An 6, Trung An 20, Xuân An 16)</p>	<p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>140 thuyền đánh bắt xa bờ (Tân An 40, Trung An 8, Xuân An 42, An Dương 1 6, An Dương 2 28, An Dương 3 16)</p> <p>95 thuyền đánh bắt trên sông, đầm có gắn máy (Tân An 40, Trung An 8, Xuân An 42, An Dương 1 2, An Dương 3 3)</p> <p>190 người trên thuyền đánh bắt trên sông, đầm có gắn máy , nữ 95</p> <p>(Tân An 80, Trung An 16, Xuân An 84, An Dương 1 4, An Dương 3 6)</p> <p>10% thuyền có nơi neo đậu an toàn khi có bão (Tân An 10% , Trung An 10% , Xuân An 10% , An Dương 1 20)</p> <p>100% người đánh cá biết bơi (Tân An 100%, Trung An 100%, Xuân An 100%)</p> <p>50% thuyền có chuẩn bị các phương tiện cứu hộ, cứu nạn (Tân An 50%, Trung An 50%, Xuân An 50%)</p> <p>1 Nhà nghỉ xây dựng kiên cố (Xuân An 1)</p> <p>66 hộ buôn bán có cửa hàng (nhà) kiên cố (Tân An 4, Trung An 8, Xuân An 6, An Dương 1: 12, An Dương 2: 15, An Dương 3: 21)</p> <p>48 hộ sản xuất nước mắm có cơ sở kiên cố (An Dương 1 12, An Dương 2 15, An Dương 3 21)</p> <p>70% hộ gia đình có kiến thức và kỹ năng về phòng chống bão cho các hoạt động sản xuất/ kinh doanh</p>	<p>Thuyền chìm</p> <p>Người chết</p> <p>Thuyền chìm</p> <p>Người chết</p> <p>Thuyền hư hỏng</p> <p>Sáo, mồng bị hư hại</p> <p>Cá, tôm trôi</p>
--	--	--	--	--

				<p>Quán hư hại</p> <p>Hàng hóa bị ướt</p>
Lụt	<p>Ngày càng có nhiều lũ lụt hơn, cao hơn</p>	<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <p>190 nhà thường bị ngập sâu (Tân An 20, Trung An 25, Xuân An 50 An Dương 1: 40, An Dương 2: 20, An Dương 3: 35); 10 nữ là chủ hộ</p> <p>711 người ở trong vùng thường ngập sâu, nữ 160 (Tân An 65/35, Trung An 76/40, Xuân An 160/85, An Dương 1: 170 , An Dương 90 : 5, An Dương 150)</p> <p>.82 nhà ở ven sông, phá (Tân An 30, Trung An 22, Xuân An 30);</p> <p>350 người ở trong nhà ven sông, phá (Tân An 120, Trung An 90, Xuân An 60);</p> <p>20% người chưa biết bơi (Tân An 20%, Trung An 20%, Xuân An 20%, An Dương 1: 20%, An Dương 2: 20%, An Dương 3: 20%); trong đó 100 nữ chưa biết bơi (Tân An 40, Trung An 25, Xuân An 35);</p> <p>100% các thôn không có lực lượng cứu hộ thôn</p> <p>3.52 km đường đi lại trong các thôn thường bị ngập (Tân An 0,3, Trung An 0,4, Xuân An 0,6, An Dương 1: 20m, An Dương 2: 700m, An Dương 3: 1.500m)</p> <p>215 hộ cần phải sơ tán khi có lụt (Tân An 50, Trung An 15, Xuân An 150)</p>	<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <p>+ 828 nhà cao không bị ngập (Tân An 12, Trung An 16, Xuân An 20, An Dương 1: 290, An Dương 2: 200, An Dương 3: 290);</p> <p>17 điểm sơ tán lụt (Tân An 4, Trung An 3, Xuân An 3, An Dương 1: 2, An Dương 2: 2, An Dương 3: 3)</p> <p>80 % người biết bơi (Tân An 80, Trung An 80, Xuân An 80, An Dương 1: 80, An Dương 2: 80, An Dương 3: 80); trong đó 35 % nữ biết bơi (Tân An 50%, Trung An 50%, Xuân An 50%, An Dương 1: 20, An Dương 2: 20, An Dương 3: 20%);</p> <p>- 10 % hộ gia đình có ghe, thuyền có thể đi lại trong khi có lũ lụt (Tân An 10 , Trung An 10 , Xuân An 10);`</p> <p>- 21 hộ gia đình có ghe, thuyền có thể đi lại trong khi có lũ lụt (An Dương 2: 3, An Dương 3: 18);</p> <p>Lực lượng cứu hộ xã 20 người, nữ : 0</p> <p>3 người của lực lượng cứu hộ có kỹ năng về cứu hộ, sơ cấp cứu</p> <p>90% hộ chuẩn bị dự trữ lương thực (Tân An 98, Trung An 97, Xuân An 95)</p> <p>75% người dân thực hiện tốt việc phòng chống lũ lụt</p>	<p>Đường hư</p>

		<p>10% hộ không chuẩn bị dự trữ lương thực (Tân An 2, Trung An 3, Xuân An 5)</p> <p>25% người dân còn chủ quan coi thường việc phòng chống lũ lụt</p> <p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>+ 150 thuyền đánh bắt trên sông, đầm không có gắn máy (Tân An 30, Trung An 35, Xuân An 60, An Dương 1 15, An Dương 3 10)</p> <p>+ 275 người trên thuyền đánh bắt trên sông, đầm không có gắn máy , nữ 137</p> <p>(Tân An 60, Trung An 70, Xuân An 120, An Dương 1 15 người, An Dương 3 10 người)</p> <p>+ 25% hộ chưa có đầu tư máy móc (máy sục khí, máy bơm) để nuôi thủy sản ở hồ (Tân An 20%, Xuân An 20%, Trung An 20%, An Dương 1 30%, An Dương 2 30%, An Dương 3 30%)</p> <p>hồ nuôi thủy sản ở vùng thường ngập lụt có mặt đê thấp (An Dương 1 11)</p> <p>251 lồng nuôi cá ở vùng thường ngập lụt (Tân An 100, Trung An 101, Xuân An 50)</p> <p>28 hộ buôn bán có cửa hàng (nhà) thường bị ngập sâu (Xuân An 4, An</p>	<p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>+ 95 thuyền đánh bắt trên sông, đầm có gắn máy (Tân An 40, Trung An 8, Xuân An 42, An Dương 1: 2, An Dương 3: 3)</p> <p>+ 190 người trên thuyền đánh bắt trên sông, đầm có gắn máy , nữ 95</p> <p>(Tân An 80, Trung An 16, Xuân An 84 An Dương 1 4An Dương 3 6)</p> <p>80% hộ có đầu tư máy móc (máy sục khí, máy bơm) để nuôi thủy sản ở hồ</p> <p>40% người dân có kiến thức và kỹ năng về chăn nuôi, trong đó nữ 80%</p> <p>90% hộ gia đình có kiến thức và kỹ năng về phòng chống lụt cho các hoạt động sản xuất/ kinh doanh</p> <p>40 thuyền đánh bắt xa bờ (An Dương 1 6 An Dương 2 28, An Dương 3 16)</p> <p>80 người đánh bắt gần bờ , nữ 40</p> <p>(An Dương 1 12, An Dương 2 56, An Dương 3 32)</p> <p>20 thuyền có nơi neo đậu an toàn khi có bão (An Dương 1 20, An Dương 2 0, An Dương 3 0)</p> <p>48 hộ sản xuất nước mắm có cơ sở kiên cố (An Dương 1 12, An Dương 2 15, An Dương 3 21)</p> <p>48 hộ buôn bán có cửa hàng (nhà) kiên cố (An Dương 1 12, An Dương 2 15, An Dương 3 21)</p> <p>75% hộ gia đình có kiến thức và kỹ năng về phòng chống bão cho các hoạt động sản xuất/ kinh doanh</p>	<p>Thuyền chìm</p> <p>Người chết</p> <p>Lồng cá trôi</p> <p>Cá, tôm trôi</p> <p>Cá, tôm chết</p> <p>Hàng hóa ướt</p> <p>Kênh mương hư hại</p>
--	--	--	---	---

		<p>Dương 2 14)</p> <p>4 km mương thủy lợi làm bằng đất ở vùng nước ngập lụ</p> <p>SỨC KHỎE VỆ SINH MÔI TRƯỜNG</p> <p>- 97% các hộ không có tủ thuốc gia đình để dự trữ thuốc, dụng cụ y tế cần thiết trong gia đình.</p> <p>13% hộ gia đình chưa có hố xí</p>	<p>SỨC KHỎE VỆ SINH MÔI TRƯỜNG</p> <p>- 3% các hộ có tủ thuốc gia đình để dự trữ thuốc, dụng cụ y tế cần thiết trong gia đình.</p> <p>- 85% các hộ gia đình đều dùng nước máy</p> <p>-15% hộ gia đình dùng nước giếng</p> <p>- 87% các hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh</p>	
Lốc	Tăng	<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <p>+ 90 nhà bán kiên cố trong vùng hay có lốc (Tân An.35, Trung An 30, Xuân An 25); 12 nữ là chủ hộ</p> <p>-340 người ở trong nhà bán kiên cố , nữ 192 (Tân An.150/82, Trung An 130/75, Xuân An 60/35)</p> <p>15% người dân còn chủ quan, chưa có ý thức bảo vệ nhà phòng chống lốc (Tân An 15%, Trung An 15%, Xuân An 15%)</p> <p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>20 ha nuôi trồng thủy sản bằng sáo, mồng</p> <p>ở vùng thường xảy ra lốc (Tân An, Trung An, Xuân An)</p> <p>3 quán ở bãi tắm làm thường có lốc (Tân An, Trung An, Xuân An)</p>	<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <p>345 nhà kiên cố trong vùng hay có lốc (Tân An.55, Trung An 65, Xuân An 125)</p> <p>85% người dân có ý thức bảo vệ nhà phòng chống lốc (Tân An 85%, Trung An 85%, Xuân An 85%)</p> <p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>24 hộ sản xuất nước mắm ở vùng có lốc có cơ sở kiên cố (An Dương 1 1, An Dương 2 2, An Dương 3 21)</p>	Tốc mái
Sạt lở/ nước biển dâng	Nhiều hơn	<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <p>+37 nhà trong vùng sạt lở (Tân An 16, Trung An 12, Xuân An 9);</p> <p>+ 4,7km bờ biển chưa được kiên cố</p> <p>2.7 km đường điện ở vùng sạt lở (Tân An 0.5, Trung An 0.4, Xuân An 0.5,</p>	<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <p>- Đã di dời hết, còn một số nhà chưa di dời do chưa đủ điều kiện.</p> <p>- 0,5 km kè biển kiên cố</p>	Mất đất

	<p>AD1 0.5km, AD3 0.8 Km)</p> <p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>3 cơ sở kinh doanh, sản xuất ở gần vùng sạt lở/ nước biển dâng (Tân An 3,)</p>		
--	---	--	--

3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá





CÔNG CỤ PHÂN TÍCH NGUYỄN HIỂM

Loại thiên tai	RRTT	Tình trạng RRTT	Nguyên nhân	Giải pháp
Bão lụt	Thiếu thông tin	Lo ngại không thức dậy kịp thời	Hình thức	Đề nghị Chính quyền Phường Phước Thành và Phường Tân Hưng
Tổn thất về tài sản	Nhà tốc mái	Phong kiến	Đến mùa mưa gió	Đề nghị Chính quyền Phường Phước Thành và Phường Tân Hưng
	Đường đi bụi	Đường đi xuống cấp	Phải đi qua cầu	Đề nghị Chính quyền Phường Phước Thành và Phường Tân Hưng

TỔNG HỢP GIẢI PHÁP RCTT THEO THỨ TỰ ƯU TIÊN

GIẢI PHÁP	HOẠT ĐỘNG	trách nhiệm chính	nguồn nhân lực chủ yếu	nguồn vốn chủ yếu
Về mặt chính quyền: Cần làm thông tin trước để nhân dân kịp thời	Tập huấn về an toàn	×	×	×
Nâng cao nhận thức	Tập huấn	×	×	×
Áp dụng công nghệ	Sử dụng công nghệ mới	×	×	×
Truyền thông về ứng dụng công nghệ	Truyền thông	×	×	×



